

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC  
Số: 115 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc  
Bình Phước, ngày 24 tháng 01 năm 2013

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực thị xã Đồng Xoài  
giai đoạn 2013-2016 có xét đến năm 2020.**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30/12/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành quy định nội dung, trình tự thủ tục lập và thẩm định quy hoạch phát triển điện lực;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-BCT ngày 17/5/2011 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch điện lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương Tờ trình số 35/TTr-SCT-ĐN ngày 11/01/2013,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực thị xã Đồng Xoài giai đoạn 2013-2016 có xét đến năm 2020 nhằm đáp ứng nhu cầu điện phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Đồng Xoài với nội dung chính như sau:

**1. Về phụ tải điện:** Cơ sở dự báo nhu cầu điện đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thị xã Đồng Xoài với tốc độ tăng trưởng bình quân (GDP) trong giai đoạn 2011-2015 là 15,05% và giai đoạn 2016-2020 là 13,30%, cụ thể:

**Năm 2015:** Công suất cực đại  $P_{max} = 27,80\text{MW}$ , điện thương phẩm 133.038,97, điện bình quân đầu người 1.413kWh/người.năm.

**Năm 2020:** Công suất cực đại  $P_{max} = 49,79\text{MW}$ , điện thương phẩm 267.853,82MWh, điện bình quân đầu người 2.674kWh/người.năm.

(Có Bảng tổng hợp nhu cầu phát triển phụ tải dự kiến và bản đồ địa dư lưới điện của từng xã phường theo Phụ lục số 01, 02 kèm theo).

## 2. Quy hoạch phát triển điện

a) Phương án thiết kế lưới điện trung thế:

- Lưới trung thế thị xã Đồng Xoài về lâu dài được cải tạo nâng tiết diện dây đảm bảo khả năng cung cấp cho phụ tải. Quá trình cải tạo sẽ được thực hiện từng bước phù hợp với khả năng về vốn đầu tư, không gây quá tải cho đường dây và trạm biến áp, hạn chế thấp nhất thời gian cắt điện để đầu nối.

- Kết cấu lưới điện phải đảm bảo yêu cầu cung cấp điện trước mắt, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trong tương lai và đảm bảo độ an toàn cung cấp điện cao.

- Kết cấu lưới điện được xây dựng giai đoạn trước phải phù hợp với định hướng trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 có xét đến 2020 đã được Bộ Công Thương phê duyệt.

- Về cấp điện áp: Lưới điện trung thế trên địa bàn thị xã đã vận hành ở điện áp cấp chuẩn 12,7KV cho lưới điện 1pha và 22kV cho lưới điện 3pha. Lưới trung thế được thiết kế mạch vòng vận hành hở đảm bảo cấp điện linh hoạt liên tục, tiện lợi khi thao tác và đóng, ngắt, bảo vệ. Các mạch vòng này được cấp điện từ hai nguồn trạm 110kV hoặc từ 2 phân đoạn thanh cái của một trạm 110kV có hai máy biến áp. Đảm bảo độ dự phòng phát triển và dự phòng cấp điện cho các phụ tải của tuyến khác khi bị sự cố, các đường trục ở chế độ bình thường chỉ thiết kế mang tải 60-75%, mỗi tuyến chỉ mang tải không quá 9MW.

- Dây dẫn: Cáp ngầm, cáp treo được sử dụng là loại cáp khô, ruột đồng hoặc nhôm, loại cách điện vỏ bọc (MV\_ABC), AVC, AV có tiết diện  $\geq 185\text{mm}^2$ , cách điện XLPE có tiết diện chung  $\geq 240\text{mm}^2$  cho tuyến đường trục và thực hiện đấu nối chuyển tiếp.

- Tiêu chuẩn về tổn thất điện áp khi thiết kế: Trong chế độ bình thường, tổn thất điện áp tại điểm bất lợi nhất  $\leq 5\%$ .

- Trên đường trục và nhánh rẽ chính sử dụng các bộ Recloser để bảo vệ và phân đoạn bằng LBS, các trạm 110kV được xây dựng mới cần xem xét phương án có thể đi ngầm hoặc dùng cáp vỏ bọc MV\_ABC.

- Xây dựng các tuyến cáp ngầm trung thế phải lắp đặt thêm các ống nhựa có đường kính  $\Phi 40$  ( $1.256\text{mm}^2$ ), khoảng cách từ 200 đến 300m có một lỗ chờ trên mặt đất để sau này lắp đặt cáp quang.

- Chiều dài tuyến đường trục (15-30) km xuất phát từ lộ ra nối vào nhánh chính qua LBS, tuyến nhánh phụ (3-6) km nối vào nhánh chính qua LBFCO hoặc FCO.

- Chế độ nối đất trung tính nối đất trực tiếp, số điểm nối đất cho 1km đường dây được nối lặp lại 4 điểm.

- Đường dây nhánh chính sử dụng dây có tiết diện  $95\text{mm}^2$  -  $120\text{mm}^2$ , nhánh phụ có tiết diện  $50\text{mm}^2$  -  $70\text{mm}^2$ .

#### b) Phương án thiết kế lưới điện hạ thế

- Lưới hạ thế được xây dựng theo cấu trúc mạch vòng vận hành hở, trong đó mỗi lộ ra hạ thế được liên kết với một nhánh khác tại tủ dừng để dự phòng cho trường hợp sự cố. Trong điều kiện bình thường, tải mỗi nhánh bằng 50% tải định mức dây dẫn để có thể hỗ trợ nhánh khác trong các trường hợp sự cố.

- Lưới hạ thế hỗn hợp với trung thế thì dây trung tính dùng riêng với dây trung tính trung thế; hạ thế độc lập ba pha dùng dây trung tính bằng  $\frac{1}{2}$  dây pha; trung thế độc lập một pha dùng dây trung tính bằng tiết diện dây pha. Trên trục chính lắp tủ phân phối hạ thế đặt trên cột hoặc trên nền gạch, mỗi tủ được sử

dụng cho từ 8 đến 10 hộ sử dụng điện 1 pha và từ 2 đến 4 hộ sử dụng điện 3 pha tùy theo loại tủ.

- Chọn cấp điện áp 220/380V đối với mạng 3 pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp.

- Lưới điện hạ thế thuộc khu vực thị xã Đồng Xoài được xây dựng ở một dạng đường dây xoắn nổi (ABC) hoặc AV.

- Đường trục có tiết diện  $\geq 95\text{mm}^2$ , đường nhánh có tiết diện  $\geq 50\text{mm}^2$ .

- Bán kính cấp điện từ 300 đến 500m đối với thị trấn, 500 đến 800m đối với khu vực nông thôn.

c) Phương án thiết kế trạm biến áp

- Đối với các khách hàng có nhu cầu sử dụng điện sản xuất công suất từ 40kW trở lên cần phải đặt trạm biến áp riêng và phải đảm bảo hệ số công suất  $\cos\varphi \geq 0,85$ ; trường hợp  $\cos\varphi < 0,85$ , khách hàng phải lắp đặt thiết bị bù công suất phản kháng hoặc mua thêm công suất phản kháng trên hệ thống để nâng hệ số  $\cos\varphi$  đạt tiêu chuẩn.

- Các gam máy biến áp sử dụng các loại máy biến áp 1 pha và 3 pha có công suất 15, 25, 37,5, 75, 100, 160, 250, 320, 400, 560, 630kVA; riêng đối với các trạm công cộng trên địa bàn thị xã Đồng Xoài phải được chọn theo gam máy công suất tiêu chuẩn phụ thuộc vào mật độ và phân bố phụ tải theo địa lý bao gồm: 15, 25, 37,5, 75, 160, 250, 400 kVA với hệ số mang tải từ 65% trở lên (có tính cả trạm thiết kế 2 máy).

### **3. Khối lượng xây dựng:**

a) Giai đoạn 2013-2016:

- Xây dựng mới 48 trạm biến áp hạ thế với tổng công suất là 16.080kVA.

- Cải tạo 33 trạm biến áp với tổng công suất là 3.300kVA

- Xây mới 11,2km cáp ngầm 22kV 3 pha.

- Xây mới 33,65km đường dây 22kV 3 pha và 1 pha đi nổi.

- Xây mới 68,0km đường dây hạ thế.

- Cải tạo 3,6km đường dây hạ thế dùng cáp bọc.

- Lắp đặt 3.368 điện kế mới (công tơ).

b) Giai đoạn 2017-2020:

- Xây dựng mới 33 trạm biến áp hạ thế với tổng công suất là 9.465kVA.

- Cải tạo 25 trạm biến áp với tổng công suất là 2.500kVA

- Xây mới 1,8km cáp ngầm 22kV 3 pha.

- Xây mới 7,48km đường dây 22kV 3 pha và 1 pha

- Xây mới 30,6km đường dây hạ thế.

- Cải tạo 1,5km đường dây hạ thế dùng cáp bọc.

- Lắp đặt 2.360 điện kế mới (công tơ).

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố công khai quy hoạch, giành quỹ đất cho các công trình trong quy hoạch phát triển điện lực được duyệt;

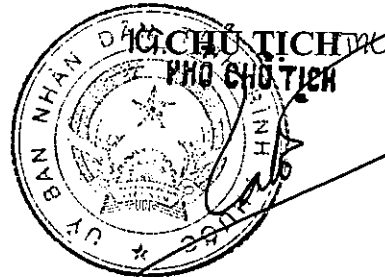
2. Phối hợp với Công ty Điện lực Bình Phước, Điện lực thị xã Đồng Xoài để triển khai thực hiện quy hoạch. Trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình lưới điện, các chủ đầu tư phải thực hiện đúng cấu trúc lưới điện, quy mô và cấp điện áp và tuân thủ các quy định về hệ thống điện truyền tải và hệ thống điện phân phối đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3:** Giao Sở Công Thương theo dõi, kiểm tra việc triển khai, thực hiện đầu tư xây dựng các công trình điện trên địa bàn thị xã Đồng Xoài theo đúng quy định.

**Điều 4:** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Công ty Điện lực Bình Phước; Chủ tịch UBND thị xã Đồng Xoài và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký ./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- CT, PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP, KTTH, KTN;
- Lưu: VT.



*Phạm Văn Công*

**PHỤ LỤC 1:****DANH MỤC KHỐI LƯỢNG DỰ KIẾN XÂY DỰNG**

(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh)

**I. Tổng hợp khối lượng cải tạo, phát triển mới lưới trung thế giai đoạn 2013-2016**

TT	Hạng mục	Đơn vị	2013-2016
<b>1</b>	<b>Xây dựng mới:</b>	<b>km</b>	<b>44,85</b>
1.1	Cáp ngầm	km	11,20
	XLPE - 240mm <sup>2</sup>	km	11,20
1.2	Đường dây nổi	km	33,65
	AC - 240mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 185mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 120mm <sup>2</sup>	km	21,70
	AC - 95mm <sup>2</sup>	km	11,95
	AC - 70mm <sup>2</sup>	km	0,00
<b>2</b>	<b>Cải tạo:</b>	<b>km</b>	<b>0,00</b>
2.1	Cáp ngầm	km	0,00
	XLPE - 240mm <sup>2</sup>	km	0,00
2.2	Đường dây nổi	km	0,00
	AC - 240mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 185mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 95mm <sup>2</sup>	km	0,00
<b>3</b>	<b>Thiết bị đóng cắt, giảm tổn thất điện năng:</b>		
3.1	FCO	bộ	108
3.2	LBFCO	bộ	29
3.3	Recloser	bộ	8
3.4	Bù trung hạ thế	kVAr	950
<b>4</b>	<b>Trạm biến áp phân phối</b>	<b>Trạm/kVA</b>	<b>81/19.380</b>
4.1	Xây mới	Trạm/kVA	48/16.080
4.2	Cải tạo	Trạm/kVA	33/3.300

**II. Tổng hợp khối lượng cải tạo và phát triển mới lưới hạ thế giai đoạn 2013-2016**

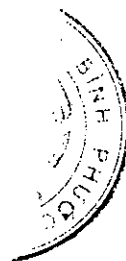
TT	Hạng mục	Đơn vị	2013-2016
<b>1</b>	<b>Đường dây hạ thế:</b>	<b>km</b>	<b>71,60</b>
1.1	Xây dựng mới	km	68,00
	ABC - 4x95mm <sup>2</sup>	km	0,00
	ABC - 4x70mm <sup>2</sup>	km	27,75
	AV - 4x95mm <sup>2</sup>	km	4,00

TT	Hạng mục	Đơn vị	2013-2016
	AV - 4x70mm <sup>2</sup>	km	36,25
1.2	Cải tạo	km	3,60
	ABC - 4x95mm <sup>2</sup>	km	1,65
	AV - 4x95mm <sup>2</sup>	km	1,95
<b>2</b>	<b>Công tơ</b>	<b>cái</b>	<b>3.368</b>
2.1	Công tơ một pha	cái	2.964
2.2	Công tơ ba pha	cái	404

### III. Tổng hợp khối lượng cải tạo và phát triển mới lưới trung thế giai đoạn 2017-2020.

TT	Hạng mục	Đơn vị	2017-2020
<b>I</b>	<b>Đường dây trung thế</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng mới</b>	<b>km</b>	<b>9,28</b>
1.1	Cáp ngầm	km	1,80
	XLPE - 240mm <sup>2</sup>	km	1,80
1.2	Đường dây nổi	km	7,48
	AC - 240mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 185mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 120mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 95mm <sup>2</sup>	km	7,48
	AC - 70mm <sup>2</sup>	km	0,00
<b>2</b>	<b>Cải tạo</b>	<b>km</b>	<b>0,00</b>
2.1	Cáo ngầm	km	0,00
	XLPE - 240mm <sup>2</sup>	km	0,00
2.2	Đường dây nổi	km	0,00
	AC - 240mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 185mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AC - 95mm <sup>2</sup>	km	0,00
<b>3</b>	<b>Thiết bị đóng cắt, giảm tổn thất điện năng:</b>		
3.1	FCO	bộ	62
3.2	LBFCO	bộ	18
3.3	Recloser	bộ	2
3.4	Bù trung hạ thế	kVAr	1.070
<b>4</b>	<b>Trạm biến áp phân phối:</b>	<b>Trạm/kVA</b>	<b>58/11.965</b>
4.1	Xây mới	Trạm/kVA	33/9.465
4.2	Cải tạo	Trạm/kVA	25/2.500
<b>II</b>	<b>Hạ thế và công tơ:</b>		
<b>1</b>	<b>Đường dây hạ thế:</b>	<b>km</b>	<b>32,10</b>
1.1	Xây dựng mới	km	30,60

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2017-2020</b>
	ABC - 4x95mm <sup>2</sup>	km	0,00
	ABC - 4x70mm <sup>2</sup>	km	14,05
	AV - 4x95mm <sup>2</sup>	km	0,00
	AV - 4x70mm <sup>2</sup>	km	16,55
1.2	Cải tạo	km	<b>1,50</b>
	ABC - 4x95mm <sup>2</sup>	km	1,30
	AV - 4x95mm <sup>2</sup>	km	0,20
<b>2</b>	<b>Công tơ:</b>	<b>cái</b>	<b>2.360</b>
2.1	Công tơ một pha	cái	2.077
2.2	Công tơ ba pha	cái	283



**PHỤ LỤC 2:****DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ KÈM THEO QUY HOẠCH  
LƯỚI ĐIỆN DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2020.**

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu
1	Sơ đồ lưới điện trung áp thị xã Đông Xoài	QHĐLĐX-2012
2	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế Phường Tân Thiện dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012
3	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế phường Tân Xuân dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012
4	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế phường Tân Bình dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012
5	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế phường Tân Đồng dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012
6	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế phường Tân Phú dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012
7	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế xã Tân Thành dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012
8	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế xã Tiên Hưng dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012
9	Bản vẽ địa dư lưới điện trung hạ thế xã Tiên Thành dự kiến 2020	QH-ĐX-LĐ.2012